

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày: 02-03-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đồng Thị M, sinh năm: 1960; thường trú: Nhà số 98, tổ 3, khu phố 5, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1980; đăng ký thường trú tại: Khu phố 5, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đồng Thị M trình bày: Ngày 24/01/2021, bà M có cho bà Th vay số tiền 320.000.000 đồng không tính lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng, bà Th hẹn đến ngày 24/4/2021 sẽ trả số tiền nêu trên cho bà M. Để làm tin, bà Th có đưa cho bà M 01

bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS50078 ngày 17/4/2019, do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thanh Th. Tuy nhiên, khi đến ngày thanh toán tiền thì bà Th không thực hiện mà tiếp tục hẹn thêm một thời gian nữa. Sau đó bà M trực tiếp gặp bà Th để yêu cầu trả lại tiền nhưng bà Th vẫn không chịu thanh toán tiền cho bà M mà còn trốn tránh, bà M có nhờ ông S là chồng của bà Th liên hệ với bà Th nhưng cũng không được.

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà Nguyễn Thanh Th phải trả lại số tiền 320.000.000 đồng mà bà Th đã vay của bà M. Bà M không yêu cầu trả lãi suất.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thanh Th đã được Tòa án thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý vụ án, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhiều lần để tham gia các buổi hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bà Th không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thanh Th đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt; việc vắng mặt của bà Th không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án nhận định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là “Giấy mượn tiền có thể chấp sổ” có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà Nguyễn Thanh Th đề ngày mượn 24/01/2021, ngày trả 24/4/2021, với nội dung: Bà Th có nhờ bà M mượn dùm số tiền 320.000.000 đồng hẹn đến ngày 24/4/2021 sẽ trả nợ; bà Th thế chấp sổ hồng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/4/2019, thửa đất 56, tờ bản đồ 53, diện tích 695m² cho bà M.

[3.2] Theo Kết luận giám định số 462/KL-KTHS(TL) ngày 31/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận: Chữ ký viết tên “Th” và 02 dấu vân tay mang tên “Nguyễn Thanh Th” tại mục “Người mượn” trên “Giấy mượn tiền có thể chấp sổ”, đề ngày mượn 24/01/2021, ngày trả 24/4/2021 (ký hiệu A) so với chữ ký viết tên “Th” và dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải của Nguyễn Thanh Th trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1 đến M3) do cùng một người ký và in ra.

[3.3] Xét thấy, bà Th vay tiền của bà M nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền 320.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 351 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Từ các phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thanh Th phải trả cho bà Đồng Thị M số tiền gốc đã nhận 320.000.000 đồng.

[6] Đối với bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 588716, vào sổ cấp GCN: CS50078 đề ngày 17/4/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thanh Th là tài sản hợp pháp của bà Th nên buộc bà M phải trả lại cho bà Th.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí giám định là 4.000.000 đồng, bà M đã nộp tạm ứng chi phí nêu trên, kết quả giám định chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ nên buộc bị đơn bà Th phải có nghĩa vụ trả lại chi phí giám định nêu trên cho bà M theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận được quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 161, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị M đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh Th về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thanh Th phải trả cho bà Đồng Thị M số tiền 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

2. Bà Đồng Thị M có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thanh Th bản gốc 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 588716, vào sổ cấp GCN: CS50078 đề ngày 17/4/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thanh Th.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thanh Th phải trả lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền chi phí giám định cho nguyên đơn bà Đồng Thị M.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh Th phải nộp 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương